TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **495**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/11/2019
V/v:"Ly hôn, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Hai

Ông Mai Văn Thắng

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên tòa*: Ông Phan Văn Y – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 487/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp "*Ly hôn, chia tài sản chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2543/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Trúc L, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: số nhà 299/3, ấp Đ, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Hoàn T, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: số nhà 299/3, ấp Đ, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Văn Th, sinh năm: 1966; Bà Mai Thị Kim C, sinh năm: 1967; Anh Đặng Hoàng N, sinh năm: 1991; Chị Đặng Thị Minh T, sinh năm: 1991. Cùng nơi cư trú: số nhà 140/3, ấp Đ, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Bà Mai Thị Kim C ủy quyền cho ông Đặng Văn Th; Anh Đặng Hoàn N ủy quyền cho chị Đặng Thị Minh T tham gia tố tụng (Ông Th, chị T có mặt).

- Ông Mai Thành T, sinh năm: 1961; Nơi cư trú: ấp Đ, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Trúc L trình bày:

Chị và anh Đặng Hoàn T kết hôn vào năm 2007, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/02/2008. Sống chung có sinh được một con chung tên Đặng Thị Huyền T – sinh ngày 03/3/2008, con chung hiện đang sống với chị. Về tài sản chung, sau khi chị và anh T cưới nhau sống chung với gia đình anh T một thời gian thì cha, mẹ của anh T là ông Đặng Văn Th và bà Mai Thị Kim C có mua cho vợ chồng chị phần đất của ông Phan Văn L với số tiền 70.000.000 đồng, đất qua đo đạc thực tế có diện tích 338.6m^2 thuộc thửa 287 (vị trí 287, 287a), tờ bản đồ số 14, tọa lạc ấp Đ, xã T P khi mua đất đã có căn nhà sẵn trên đó. Đến năm 2008, ông Th cho chị và anh T về ở trên phần đất này. Vào ngày 03/10/2010, ông Th có viết cho vợ chồng chị tờ cha cho con đất nền nhà. Trong số tiền mua đất 70.000.000 đồng có 50.000.000 đồng là của ông Th và bà C, còn 20.000.000 đồng là của vợ chồng chị. Đến ngày 14/11/2013, chị và anh T có sang nhượng thêm phần đất của ông Mai Thành T diện tích qua đo đạc thực tế là 24.3m^2 thuộc một phần thửa 294 (vị trí 294a), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã Th P. Ngoài ra, còn có tài sản chung là chiếc xe Hoa Lâm biển số 66M2-6551 và chiếc xe Sirius biển số 71C3-206.81 hai chiếc xe này hiện nay do anh T quản lý, sử dụng Về nợ chung không có. Trong thời gian sống chung, do giữa chị và anh T xảy ra mâu thuẫn, chị đã về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 7/2017.

Tại tòa hôm nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không thể hàn gắn lại được. Nên về hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Hoàn T, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Về con chung tên Đặng Thị Huyền T – sinh ngày 03/3/2008, chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung là chiếc xe Hoa Lâm biển số 66M2-6551 và chiếc xe Sirius biển số 71C3-206.81, chị và anh T đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu giải quyết; Về phần đất có diện tích 24.3m^2 thuộc một phần thửa 294 (vị trí 294a), tờ bản đồ số 14, chị không yêu cầu giải quyết. Còn phần đất có diện tích 338.6m^2 thuộc thửa 287 (vị trí 287, 287a), tờ bản đồ 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre trước đó chị có yêu cầu anh T chia giá trị cho chị với số tiền 100.000.000 đồng. Tại Tòa hôm nay, chị xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản này.

Chị đồng ý với kết quả đo đạc thực tế phần đất theo họa đồ hiện trạng ngày 09/11/2018 và kết quả định giá tài sản tranh chấp của Hội đồng định giá, không có ý kiến gì. Đối với các khoản tiền chi phí tố tụng chị đã tạm nộp, chị tự nguyện nộp toàn bộ.

Theo nội dung bản tự khai, hoà giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa – bị đơn anh Đặng Hoàn T trình bày:

Anh và chị L kết hôn vào năm 2007, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T P. Sống chung có sinh được một con chung tên Đặng Thị Huyền T - sinh ngày 03/3/2008. Trong thời gian sống chung, do giữa anh và chị L xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Nên nay chị L có yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn. Về con chung tên Đặng Thị Huyền T – sinh ngày 03/3/2008 anh đồng ý giao cho chị L nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung là chiếc xe Hoa Lâm biển số 66M2-6551 và chiếc xe Sirius biển số 71C3-206.81 anh và chị L đã tự thỏa thuận giải quyết xong. Về phần đất có diện tích 24.3m^2 thuộc một phần thửa 294 (vị trí 294a), tờ bản đồ 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã T P mà anh và chị L đã mua của ông Mai Thành T, anh không yêu cầu giải quyết. Còn về phần đất có diện tích 338.6m^2 thuộc thửa 287 (vị trí 287, 287a), tờ bản đồ 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã T P, huyện T P, tỉnh Bến Tre trước đó chị L có yêu cầu anh chia giá trị cho chị L với số tiền 100.000.000 đồng. Tại tòa hôm nay, chị L xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia phần tài sản này thì anh đồng ý, không có ý kiến gì.

Anh đồng ý với kết quả đo đạc thực tế phần đất tranh chấp theo họa đồ hiện trạng ngày 09/11/2018 và kết quả định giá tài sản tranh chấp của Hội đồng định giá, không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Th đồng thời được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Kim C ủy quyền trình bày:

Ông có biết việc giữa chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn và có yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn. Về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung, tài sản chung là chiếc xe Hoa Lâm, xe Sirius cùng phần đất có diện tích 24.3m^2 thuộc một phần thửa 294 (vị trí 294a), tờ bản đồ 14 mà chị L và anh T mua của ông Mai Thành T thì ông không có ý kiến gì, Tòa cứ xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Riêng về phần đất có diện tích 338.6m^{2}thuộc thửa số 287 (vị trí 287, 287a), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã T P chị L cho rằng đất này là tài sản chung của chị L và anh T, có yêu cầu anh T chia giá trị đất cho chị L thì ông không đồng ý vì đất này vào năm 2007 ông mua lại của ông Phan Văn L với số tiền 70.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này là của ông và vợ ông là bà Mai Thị Kim C, chị L và anh T không có đóng góp số tiền nào hết. Sau khi mua đất, vào năm 2008 ông cho chị L và anh T về ở tại căn nhà tọa lạc trên phần đất này, ông có làm cho anh T tờ cha cho con đất nền nhà ngày 03/10/2010, tờ giấy này là do ông viết, mục đích làm tờ giấy này chỉ là để cho vợ chồng anh T yên tâm sinh sống chứ không phải cho luôn quyền sử dụng đất. Còn tại Tòa hôm nay, chị L xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia phần tài sản này thì ông không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Minh T đồng thời được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Hoàn N ủy quyền trình bày:

Chị không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung là chiếc xe Hoa Lâm, xe Sirius và phần đất mà anh T, chị L đã mua của ông Mai Thành T. Tòa cứ xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. Riêng về phần đất có diện tích 338.6m^2 thuộc thửa 287 (vị trí 287, 287a), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã T P chị L cho rằng đó là tài sản chung của chị L và anh T, yêu cầu anh T chia giá trị phần đất này cho chị L thì chị không đồng ý, vì đất này là của cha mẹ chị là ông Đặng Văn Th và bà Mai Thị Kim C mua của ông Phan Văn L với số tiền 70.000.000 đồng, toàn bộ số tiền mua đất là của cha mẹ chị, anh T và chị L không có đóng góp số tiền nào hết. Sau khi mua đất, cha mẹ chị chỉ cho anh T và chị L ở tạm trên phần đất này chứ không phải cho luôn, phần đất này hiện nay do cha của chị là ông Đặng Văn Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu anh T và chị L ly hôn thì phải trả đất lại cho cha của chị. Tại Tòa hôm nay, chị L xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia phần tài sản này thì chị không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Thành T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nhưng tại biên bản ngày 26/10/2018 ông T trình bày:

Ông có chuyển nhượng cho anh T và chị L một phần đất với giá 12.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ số thửa và diện tích cụ thể bao nhiêu. Việc mua bán có làm giấy tay, giấy tay này ông không nhớ do ai đang giữ. Sau khi chuyển nhượng ông đã giao đất cho anh T và chị L quản lý, sử dụng nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sang tên. Nếu anh T và chị L có tranh chấp gì đối với phần đất mà ông đã chuyển nhượng cho anh T và chị L thì Tòa cứ xem xét giải quyết theo quy định, ông không có ý kiến gì vì ông đã giao đất cho anh T, chị L sử dụng. Còn nếu anh T, chị L không muốn sử dụng đất mà đất lại cho ông thì ông cũng đồng ý nhận lại, không có yêu cầu gì. Do ông không có tranh chấp gì về phần đất đã chuyển nhượng cho anh T, chị L nên ông xin được giải quyết vắng mặt trong vụ án này.

Tài sản tranh chấp là đất thuộc thửa 287, tờ bản đồ số 14 được xem xét, thẩm định giá cụ thể như sau:

- Về đất: Diện tích 338.6m^2, giá 1.600.000đồng/m^2.

Thành tiền: 338.6m^2 x 1.600.000 đồng/m^2 = 541.760.000 đồng.

Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp còn có căn nhà, các bên đương sự không yêu cầu thẩm định, định giá cũng như giải quyết đối với tài sản là căn nhà.

Chị Trần Thị Trúc L đã tạm nộp tiền đo đạc địa chính 643.000 đồng và lệ phí định giá tài sản 350.000 đồng. Tổng số tiền đã nộp là 993.000 đồng.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Các đương sự trong vụ án đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Trúc L với anh Đặng Hoàn T. Chị L và anh T không yêu cầu giải nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, nên không xem xét giải quyết; Về con chung: Chị L được trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Thị Huyền T – sinh ngày 03/3/2008, do cháu T có nguyện vọng được sống với chị L. Chị L được nuôi con chung và có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh T cũng đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; Về tài sản chung: Chị L và anh T trình bày tài sản chung là chiếc xe Hoa Lâm và xe Sirius chị L và anh T đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết; Về phần đất thuộc một phần thửa 294 (vị trí 294a), diện tích 24.3m^2, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã T P chị L và anh T không có yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết; Về phần đất có diện tích 338.6m^2 thuộc thửa 287 (vị trí 287, 287a), tờ bản đồ 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Tại phiên tòa, chị L xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia phần tài sản này nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của chị L; Về nợ chung: Chị L và anh T trình bày không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án và đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Trúc L thì vụ án có quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn"; Bị đơn anh Đặng Hoàn T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre; Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đặng Hoàn T kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T P, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/02/2008. Hôn nhân giữa chị L và anh T được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian sống chung, giữa chị L và anh T xảy ra mâu thuẩn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L có yêu cầu ly hôn và được anh T đồng ý; Do đó, áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Trúc L và anh Đặng Hoàn T là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đặng Hoàn T không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[2] Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa chị L và anh T có một con chung tên Đặng Thị Huyền T – sinh ngày 03/3/2008. Cháu T hiện đang sống với chị L, chị L yêu cầu được nuôi con chung và cháu T cũng có nguyện vọng được sống với chị L, nên giao cháu T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định. Chị L được trực tiếp nuôi con chung và có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại tòa, anh T đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh T trình bày đã tự thỏa thuận giải quyết xong tài sản là xe Hoa Lâm biển số 66M2-6551 và xe Sirius biển số 71C3-206.81 nên không yêu cầu giải quyết; Về phần đất thuộc một phần thửa 294 (vị trí 294a) diện tích 24.3m^2, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị L và anh T trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Tại tòa, chị L xin rút phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Đặng Hoàn T chia giá trị phần đất có diện tích 338.6m^2 (vị trí 287, 287a), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre cho chị với số tiền 100.000.000 đồng và anh T cũng đồng ý việc rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết, nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ phần yêu cầu này.

[5] Các tài sản khác gắn liền với thửa đất số 287, tờ bản đồ số 14 chị L và anh

T trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị L và anh T trình bày không không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng: Chị L tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 993.000 đồng, chị L đã nộp xong số tiền này.

[9] Về án phí sơ thẩm: Chị L và anh T phải chịu án phí theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, 218, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trúc .

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Trúc L với anh Đặng Hoàn T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: chị Trần Thị Trúc L và anh Đặng Hoàn T không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Trúc L được trực tiếp nuôi con chung tên Đặng Thị Huyền T – sinh ngày 03/3/2008 (theo nguyện vọng của cháu Huyền T). Anh Đặng Hoàn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh T trình bày đã tự thỏa thuận giải quyết xong tài sản là xe Hoa Lâm biển số 66M2-6551 và xe Sirius biển số 71C3-206.81 nên không yêu cầu giải quyết; Về phần đất thuộc một phần thửa 294 (vị trí 294a) diện tích 24.3m^2, tờ bản đồ 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre, chị L và anh T trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trúc L về việc yêu cầu anh Đặng Hoàn T chia giá trị phần đất có diện tích 338.6m^2 thuộc thửa 287 (vị trí 287, 287a), tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp Đ, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đặng Hoàn T trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng: Chị L tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 993.000 đồng, chị L đã nộp xong số tiền này.

6. Về án phí: Chị Trần Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng và 6.000.000 đồng theo biên lai thu số 0018455 và 0018456 ngày 29/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị L được Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn lại số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Anh Đặng Hoàn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

7. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Hai - Mai Văn Thắng **Nguyễn Thị Thủy Tiên**